

Bản án số: 266/2019/HC-PT
Ngày: 17/10/2019
V/v: Khiếu kiện quyết định phê duyệt
phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà
nước thu hồi đất

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hưng;

Các Thẩm phán: Ông Đặng Bảo Vĩnh;

Bà Lê Thị Thúy Bình.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Huy, Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hành chính thụ lý số 159/2019/TLPT-HC ngày 24 tháng 4 năm 2019, do có kháng cáo đối với bản án hành chính sơ thẩm số 08/2019/HC-ST ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 9507/2019/QĐ-PT ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Phùng Khắc L, sinh năm 1956; Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương, (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích của ông L: NBV, (có mặt).

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T - Chủ tịch UBND huyện G,
tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện G là ông Đỗ Văn S - Phó chủ tịch UBND huyện G, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ nơi làm việc: Thị trấn G, huyện G, tỉnh Hải Dương, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1963; Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 05/6/2017 và trong quá trình tố tụng người khởi kiện là ông Phùng Khắc L trình bày:

Gia đình ông đang sử dụng diện tích đất tại khu vực R, cạnh đường 38B tại thôn Đ, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương có nguồn gốc do bố mẹ để lại. Bố ông là Phùng Văn L1 nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Phạm Xuân Đ từ tháng 11/1982. Đầu năm 1983, bố ông có làm 02 gian nhà tre lợp ngói. Sau đó thì ông sử dụng nhà đó làm chỗ sửa xe, ông có chỗ ở khác nên sáng đi, tối về. Đến năm 1985, bố ông làm đơn xin đất, đề ngày 8/02/1985 trình bày nội dung "...là ông L1 (tôi) xin chỗ đất ở R xã cho anh Đ trước đây là 240m² để tôi làm nhà mở quán sửa xe đạp...". Đơn này do ông L1 viết nhưng ký tên Phùng Văn L1 và được UBND xã T, huyện G nhất trí, có xác nhận vào đơn việc ông có quyền sử dụng hợp pháp diện tích đất nói trên, nhưng không ghi kích thước các cạnh, hình thể đất. Năm 1990 ông xây nhà mái bằng trên diện tích đất đó.

Năm 1991, ông không làm đơn đề nghị xin cấp GCNQSDĐ mà xã tự làm và có yêu cầu ông nộp 5.000 đồng, có phiếu thu. Gia đình ông sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp và thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước, đóng thuế, lệ phí theo quy định, ông xác định có nộp tiền thuế sử dụng đất với diện tích 144m², thừa nhận không kê khai diện tích đất sử dụng, không có tên trên sổ sách theo dõi quản lý đất đai tại địa phương.

Năm 2015, khi cơ quan có thẩm quyền thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 38, gia đình ông đồng tình, ủng hộ, được Ban giải phóng mặt bằng của huyện G, cán bộ địa chính xã T xuống đo đạc, điểm tra hiện trạng và cho các hộ xem, ký kết vào Biên bản kiểm tra hiện trạng, kiểm kê, xác định khối lượng đất đai, tài sản gắn liền với đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ. Sau khi kiểm tra hiện trạng và xem xét kỹ thông tin trên Biên bản kiểm tra hiện trạng cũng như số diện tích đất bị thu hồi ghi trong biên bản, gia đình ông thấy diện tích 108,9m² đất bị thu hồi phục vụ dự án của gia đình ông chỉ là diện tích san lấp, tạo mặt bằng trong hành lang giao thông và không được áp dụng cách tính giá bồi thường như đối với đất ở nông thôn. Do vậy, ông cho rằng phương án bồi thường như trên là không thỏa đáng, không đúng pháp luật và nhiều lần kiến nghị Hội đồng bồi thường UBND huyện G, chính quyền UBND xã T nhưng qua nhiều lần đối thoại, làm việc thì Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện G cùng chính quyền địa phương đều cho rằng yêu cầu xem xét lại phương án bồi thường giải phóng mặt bằng của gia đình ông là không có cơ sở. Hiện nay diện tích đất của gia đình ông bị thu hồi đã làm hành lang giao thông Quốc lộ 38B, nhưng ông chưa nhận tiền hỗ trợ công trình kiến trúc và tài sản trên đất vì không đồng ý với quan điểm của Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện G. Nên, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương buộc:

UBND huyện G sửa đổi phương án đền bù giải phóng mặt bằng (quyết định số 6766/QĐ - UBND ngày 28/12/2015 của UBND huyện G về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất để thực hiện Dự án QLTSDB Việt Nam (VRAMP) địa bàn xã T – Đợt 11) cho gia đình ông theo hướng xác định lại diện tích, loại đất bị thu hồi, cụ thể xác định lại diện tích đất của gia đình ông chỉ cách quốc lộ 38 B là 01 m, trên cơ sở đó cơ quan có thẩm quyền tính toán

lại chính xác diện tích đất ở nông thôn được bồi thường và diện tích đất san lấp, tạo mặt bằng trong hành lang giao thông được hỗ trợ.

Ngày 21/01/2019, ông thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án hủy một phần quyết định số 6766/QĐ - UBND ngày 28/12/2015 của UBND huyện G về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất để thực hiện Dự án QLTSĐB Việt Nam (VRAMP) địa bàn xã T – Đợt 11 liên quan đến phần diện tích đất đã thu hồi của gia đình ông tại thôn Đ, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương và yêu cầu UBND huyện G phải bồi thường cho gia đình ông 108,9m² đất thu hồi là đất ở, theo đơn giá tại thời điểm thu hồi.

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện G trình bày:

Ngày 15/01/2015, UBND huyện G ban hành thông Báo số 05/TB - UBND thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án quản lý tài sản đường bộ Việt Nam - hợp phần c - Nâng cấp cầu Tràng Thưa. Ngày 12/3/2015, Hội đồng bồi thường GPMB huyện tổ chức hội nghị triển khai công tác bồi thường giải phóng mặt bằng Dự án VRAMP với các hộ dân liên quan thuộc địa bàn xã T trong đó có hộ ông Phùng Khắc L. Tại Hội nghị, Hội đồng bồi thường GPMB huyện đã phổ biến đến các hộ dân các nội dung: Thông tin tổng quan về dự án VRAMP; Các quy định, chính sách của Nhà nước về bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, khung chính sách của dự án; Các đơn giá bồi thường về đất, công trình, vật kiến trúc, cây cối, hoa màu; Thông báo về kế hoạch triển khai công tác bồi thường GPMB đối với địa bàn xã T.

Từ ngày 10/4/2015, tổ công tác GPMB phối hợp với UBND xã T bắt đầu thực hiện xác định nguồn gốc sử dụng đất và kiểm kê đất đai, tài sản, cây cối trên đất đối với các hộ dân của địa bàn xã T, trong đó có hộ ông Phùng Khắc L. Đối với hộ ông Phùng Khắc L, UBND xã T sau quá trình xác định nguồn gốc đất khẳng định diện tích đất thu hồi không vào đất ở của gia đình ông L. Trong quá trình xác định về nguồn gốc sử dụng đất có làm việc với hộ ông L và một số hộ dân khác. Tuy nhiên, ông L không đồng tình với kết quả xác định của UBND xã T.

Căn cứ kết quả xác định nguồn gốc sử dụng đất của hộ gia đình ông L và các văn bản hiện hành của Nhà nước về bồi thường, hỗ trợ GPMB, ngày 04/12/2015, HĐBTGPMB huyện hoàn thiện phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB và chuyển cho hộ ông L nhưng ông L không ký phương án bồi thường, hỗ trợ vì lý do đề nghị được bồi thường đất ở.

Từ ngày 08/12/2015 đến hết ngày 27/12/2015 HĐBTGPMB huyện phối hợp với UBND xã T để thực hiện niêm yết công khai phương án bồi thường của một số hộ dân, trong đó có hộ ông L. Ngày 12/12/2015 và ngày 23/12/2015, Hội đồng BTGPMB huyện chủ trì phối hợp với UBND xã T tổ chức 02 hội nghị đối thoại với các hộ dân chưa ký phương án bồi thường hỗ trợ, trong đó có hộ ông L nhưng ông L vẫn không đồng tình và tiếp tục đề nghị được xem xét bồi thường đất ở. Hết thời hạn niêm yết công khai phương án bồi thường, hỗ trợ, HĐBTGPMB huyện hoàn thiện hồ sơ để trình phê duyệt. Ngày 28/12/2015, UBND huyện G ban hành Quyết định số 6766/QĐ - UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất để thực hiện dự án QLTSĐB Việt

Nam (VRAMP) địa bàn xã T đợt 11, trong đó có phương án bồi thường, hỗ trợ của hộ ông Phùng Khắc L.

Sau khi có Quyết định phê duyệt, HDBTGPMB huyện đã nhiều lần mời hộ ông L nhận tiền bồi thường, hỗ trợ nhưng hộ ông L không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ vì lý do chưa được bồi thường đất. Theo yêu cầu của lãnh đạo UBND huyện G về việc giải quyết làm rõ nguồn gốc đất của các hộ dân, ngày 29/3/2016. UBND xã T có Văn bản số 14/BC - UBND báo cáo về nguồn gốc sử dụng đất tại Mả Vua của hộ gia đình ông Vũ Văn X và hộ ông Phùng Khắc L. Trong báo cáo khẳng định diện tích đất thu hồi là đất hành lang giao thông, không phải là đất của hộ ông L.

Ngày 08/4/2016, HDBTGPMB huyện mời đại diện các sở: Tài nguyên và môi trường, Giao thông vận tải và UBND xã T tiếp tục tổ chức hội nghị đối thoại và vận động 04 hộ dân chưa chấp hành trong đó có hộ ông L. Tuy nhiên, các hộ không chấp hành nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng để thi công công trình. Ngày 06/7/2016, UBND huyện G ban hành Kế hoạch số 59/KH - UBND ngày 06/7/2016 về việc đảm bảo an ninh trật tự phục vụ thi công Dự án quản lý tài sản đường bộ Việt Nam (VRAMP), địa bàn xã T, huyện G. Theo kế hoạch trên, ngày 15/7/2016, các lực lượng chức năng của huyện G, Sở giao thông vận tải, xã T đã triển khai công tác bảo đảm an ninh trật tự để đơn vị thi công tổ chức thi công đối với phần mặt bằng đã được xác định là đất hành lang giao thông. Từ ngày 17/9/2016, ông L nhiều lần có đơn khiếu nại, tố cáo gửi Chủ tịch UBND huyện G. Chủ tịch UBND huyện G đã giao cho Thanh tra huyện giải quyết. Thanh tra huyện đã tổ chức nhiều buổi làm việc để giải quyết nội dung đơn của ông L nhưng ông L vẫn không đồng tình.

UBND huyện xác định phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông L do HDBT UBND huyện G lập đảm bảo đúng quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi của ông L do vậy không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông L.

Việc ban hành Quyết định 6766/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của UBND huyện G, việc tổ chức thực hiện niêm yết quyết định trên được thực hiện trên cơ sở pháp lý và thực tế là: Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 47/2014/NĐ - CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 37/2014/QĐ - UBND ngày 30/6/2014 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 37/2014/QĐ - UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Hải Dương ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Công văn số 745/UBND - VP ngày 16/4/2015 của UBND tỉnh Hải Dương về việc giải quyết vướng mắc GPMB DA VRAMP trên địa bàn huyện G và huyện M.

Đơn giá bồi thường, hỗ trợ thực hiện theo đơn giá bồi thường, hỗ trợ về công trình vật kiến trúc áp dụng theo quy định tại Quyết định số 2829/2007/QĐ - UBND ngày 06/8/2007 của UBND tỉnh Hải Dương và Quyết định số 06/2014/QĐ - UBND ngày 17/02/2014 của UBND tỉnh Hải Dương; Văn bản công bố giá vật liệu xây dựng tháng 11/2015 của Liên sở: Tài chính - Xây dựng; Quyết định số 18/2015/QĐ - UBND ngày 30/10/2015 của UBND tỉnh Hải Dương về ban hành: Bộ đơn giá bồi thường cây trồng, thủy sản và đào, đắp ao

nuôi trồng thủy sản; đơn giá hỗ trợ tiền thuê nhà ở; đơn giá bồi thường di chuyển mộ khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hải Dương; Văn bản đề nghị phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ kèm theo hồ sơ phương án bồi thường, hỗ trợ của các hộ dân.

Quyết định số 6766/QĐ - UBND ngày 28/11/2015 của UBND huyện G được niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã T và Nhà văn hóa thôn Đ.

Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của hộ gia đình ông L, căn cứ pháp lý, căn cứ thực tế để xác định diện tích đất 108,9m² thu hồi mà ông L sử dụng là đất hàng lang giao thông, không vào đất ở của gia đình ông L.

Theo quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất thì việc xác định nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của các hộ dân làm căn cứ lập phương án bồi thường, hỗ trợ thuộc trách nhiệm của UBND cấp xã. Đối với trường hợp hộ gia đình ông L, UBND xã T đã căn cứ các tài liệu về quản lý đất đai của địa phương đã xác định phần đất thu hồi 108,9m² là đất hàng lang giao thông không phải là đất ở của hộ ông L; phần diện tích thu hồi 108,9m² được xác định trong phạm vi từ cách mép đường nhựa 01 m vào đến chỉ giới giải phóng mặt bằng.

Căn cứ vào đơn đề nghị xin đất ở và các tài liệu quản lý đất đai của xã T thì diện tích đất ở của gia đình ông L được giao sau ngày 21/12/1982, nên không thuộc đối tượng được xem xét áp dụng theo công văn 745/UBND - VP ngày 16/4/2015 của UBND tỉnh.

Theo Báo cáo số 14/BC - UBND ngày 29/3/2016 của UBND xã T khẳng định diện tích thu hồi là đất hàng lang giao thông, không phải là đất ở của hộ gia đình ông L.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H trình bày:

Phần diện tích đất bị thu hồi là của vợ chồng bà (chồng bà là ông Phùng Khắc L), do bố chồng để lại, không liên quan gì đến các con của ông bà. Vợ chồng bà ở trên diện tích đất đó từ năm 1984 đến nay. Bà hoàn toàn nhất trí với việc khởi kiện cũng như quan điểm, ý kiến của ông L trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài ra bà không có ý kiến, quan điểm nào khác.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2019/HC-ST ngày 13/3/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, quyết định:

Căn cứ vào Điều 32, khoản 1, 2 Điều 193, Điều 194, Điều 206, Điều 348, khoản 1 Điều 158 Luật tổ tụng hành chính. Điều 66, Điều 69, Điều 82 Luật đất đai. Nghị định 47/2014/NĐ - CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Khắc L về yêu cầu: Hủy một phần quyết định số 6766/QĐ - UBND ngày 28/12/2015 của UBND huyện G về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất để thực hiện Dự án QLTSĐB Việt Nam (VRAMP) địa bàn xã T - Đợt 11 liên quan đến phần diện tích đất đã thu hồi của gia đình ông Phùng Khắc L tại thôn Đ, xã T, huyện G, tỉnh Hải

Dương và yêu cầu UBND huyện G phải bồi thường cho gia đình ông (L) 108,9m² đất thu hồi là đất ở; theo đơn giá tại thời điểm thu hồi.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm;

Ngày 19/3/2019, ông Phùng Khắc L có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện là hủy một phần Quyết định số 6766 của Ủy ban nhân dân huyện G, do ban hành sai về trình tự, thủ tục, sai về đối tượng được cấp quyền sử dụng đất, sai về căn cứ ban hành quyết định.

- Tại phiên tòa phúc thẩm ông Phùng Khắc L giữ nguyên kháng cáo và trình bày thông nhất với nội dung đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm và ông cho rằng diện tích đất 108,9m² gia đình nhà ông đã sử dụng từ năm 1982. Do đó, diện tích đất này phải bồi thường là đất ở nông thôn.

Ông nhất trí với luận cứ của NBV cho ông tại phiên tòa.

- Bà Phạm Thị H nhất với trình bày của ông Phùng Khắc L.

- NBV trình bày: Tại Quyết định số 6766/QĐ - UBND ngày 28/12/2015 của UBND huyện G về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất để thực hiện Dự án QLTSĐB Việt Nam (VRAMP) địa bàn xã T – Đợt 11 liên quan đến phần diện tích đất 108,9m² của gia đình ông L đã không bồi thường về đất theo đất ở nông thôn mà chỉ hỗ trợ công sức tài sản trên đất là không đúng, vì: Trước năm 1980, diện tích đất này là của gia đình ông Đ quản lý. Năm 1982, ông L1 đã nhận chuyển nhượng của ông Đ (hiện nay ông Đ ở đâu thì chưa xác định được), ngay sau khi nhận chuyển nhượng đất của ông Đ thì gia đình ông L đã làm nhà để ở.

Diện tích đất nhà ông L cũng như các hộ khác tương tự trước đây không ai kê khai việc sử dụng đất. Khi có chủ trương đăng ký, kê khai việc sử dụng đất thì chính quyền địa phương cũng không thông báo cho gia đình ông L để kê khai. Do đó, việc gia đình ông L chưa kê khai việc sử dụng đất là không có lỗi. Mặc dù gia đình ông L không có giấy tờ theo quy định của Luật đất đai, nhưng gia đình ông L đã sử dụng đất này ổn định từ năm 1982. Do đó, theo Nghị số 43 của Chính phủ thì diện tích 108,9m² được xác định là đất ở khu vực nông thôn và khi Nhà nước lấy 108,9m² đất của gia đình ông L thì gia đình ông L phải được bồi thường về đất ở nông thôn. Cũng theo Nghị định 203 của Chính phủ thì người dân sử dụng đất trước ngày 31/12/1982 thì được xem xét bồi thường về đất ở. Những vấn đề này Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét. Do đó, Quyết định 6766 của UBND huyện G đã không bồi thường về đất ở đối với diện tích đất 108,9m² của gia đình ông L xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông L.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính, chấp nhận kháng cáo của ông L, sửa quyết định của bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L và hủy một phần Quyết định số 6766/QĐ - UBND ngày 28/12/2015 của UBND huyện G về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Kháng cáo của ông Phùng Khắc L trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết.

Về nội dung:

Về nguồn gốc đất: Theo sơ họa mặt bằng làm cơ sở cho việc bồi thường, hỗ trợ đối với gia đình ông L xác định thực tế phần diện tích gia đình ông L sử dụng là 360m², trong đó có 108,9m² đất là phần nằm trong hành lang giao thông (phần diện tích còn lại là 251,1m²), theo Biên bản thẩm định thì ông L, bà Huệ hiện đang sử dụng diện tích 265,4m²; diện tích đất này còn lớn hơn diện tích mà năm 1985 gia đình ông L được cấp.

Căn cứ phía ông L đưa ra là gia đình ông đã mua của ông Đ và cũng như sử dụng trước năm 1982, nhưng không có căn cứ.

Ủy ban nhân dân huyện G xác định diện tích đất 108,9m² là đất hành lang giao thông và đã không bồi thường về đất ở khu vực nông thôn là có căn cứ.

Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông L không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào khác so với phiên tòa sơ thẩm. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông L và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm và ông L là người già nên xem xét miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Phùng Khắc L.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày của các bên đương sự, Luật sư, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của ông Phùng Khắc L trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết.

[1.1] Tại phiên tòa phúc thẩm người bị kiện vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính Tòa án cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt người bị kiện.

[1.2] Đối tượng khởi kiện: Quyết định hành chính bị kiện (Quyết định số 6766/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của UBND huyện G về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất để thực hiện Dự án QLTSĐB Việt Nam (VRAMP) địa bàn xã T – Đợt 11 (sau đây gọi tắt là quyết định số 6766) do UBND cấp huyện ban hành. Do vậy, đây là vụ án hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện:

Quyết định hành chính bị kiện được ban hành ngày 28/12/2015. Ông L không đồng ý với quyết định 6766, không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ. Ngày

08/4/2016, HĐBTGPMB huyện mời đại diện các Sở: Tài nguyên và môi trường, Giao thông vận tải và UBND xã T tiếp tục tổ chức hội nghị đối thoại và vận động 04 hộ dân chấp hành trong đó có hộ ông L. Tuy nhiên, các hộ không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng để thi công công trình. Ngày 06/7/2016, UBND huyện G ban hành Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 06/7/2016 về việc đảm bảo an ninh trật tự phục vụ thi công Dự án quản lý tài sản đường bộ Việt Nam (VRAMP), địa bàn xã T, huyện G. Vì, cho rằng quyền lợi của mình không được đảm bảo, ông L đã làm và gửi nhiều đơn khiếu nại, đơn đề nghị giải quyết khiếu nại (trong các ngày 19/7/2016, 17/9/2016, 24/10/2016, 19/12/2016, 15/02/2017, 20/3/2017). UBND huyện G đã trực tiếp xử lý, giải quyết đơn và giao cho Thanh tra nhà nước huyện G làm việc với ông L. Buổi làm việc cuối cùng của Thanh tra huyện G với ông L là ngày 24/02/2017 và Chủ tịch UBND huyện G có Thông báo số 35/TB - UBND ngày 27/02/2017 thông báo kết quả giải quyết nội dung đơn đề nghị của ông Phùng Khắc L, công dân thôn Đ, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương. Ngày 28/9/2017, ông L khởi kiện quyết định hành chính tại Tòa án. Như vậy, việc khởi kiện của ông L là trong thời hiệu (01 năm) theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2] Xem xét nội dung kháng cáo của ông Phùng Khắc L:

[2.1] Đánh giá tính hợp pháp của Quyết định số 6766/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của UBND huyện G:

[2.2] Về hình thức Quyết định 6766 được ban hành đúng thể thức văn bản, đầy đủ nội dung về căn cứ ban hành quyết định, nội dung quyết định, quyền, nghĩa vụ của các chủ thể có liên quan trong việc thi hành quyết định; có tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ; có biểu tổng hợp kinh phí bồi thường, hỗ trợ và biểu tính bồi thường, hỗ trợ đối với từng gia đình cụ thể kèm theo.

[2.3] Thẩm quyền ban hành quyết định:

Quyết định 6766 là quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất do UBND huyện G ban hành là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 3 Điều 69 Luật đất đai năm 2013.

[2.4] Trình tự, thủ tục, thời hạn ban hành quyết định

Trên cơ sở Quyết định số 3068/QĐ-BGTVT ngày 04/10/2013 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt đầu tư Dự án Quản lý tài sản đường bộ Việt Nam sử dụng vốn vay Ngân hàng thế giới và phụ lục 01 kèm theo (nội dung chi tiết các hợp phần dự án quản lý tài sản đường bộ Việt Nam - VRAMP): Ngày 15/01/2015, UBND huyện G ban hành Thông báo số 05/TB - UBND thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án. Ngày 12/3/2015, Hội đồng bồi thường GPMB huyện tổ chức hội nghị triển khai công tác bồi thường giải phóng mặt bằng Dự án VRAMP với các hộ dân liên quan; Tổ công tác GPMB phối hợp với UBND xã T xác định nguồn gốc sử dụng đất và kiểm kê đất đai, tài sản, cây cối trên đất đối với các hộ dân. Ngày 03/12/2015, HĐBT-GPMB huyện lập Biên bản kiểm tra, kiểm kê xác định khối lượng đất đai, tài sản trên đất bị dự án

chiếm dụng để lập phương án bồi thường, hỗ trợ. Ngày 04/12/2015, HĐBT-GPMB huyện hoàn thiện phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB và chuyển cho hộ ông L, nhưng ông L không ký phương án bồi thường, hỗ trợ vì lý do đề nghị được bồi thường đất ở. Từ ngày 08/12/2015 đến hết ngày 27/12/2015 HĐBT-GPMB huyện phối hợp với UBND xã T để thực hiện niêm yết công khai phương án bồi thường của một số hộ dân, trong đó có hộ ông L. Ngày 12/12/2015 và ngày 23/12/2015, Hội đồng BTGPMB huyện chủ trì phối hợp với UBND xã T tổ chức 02 hội nghị đối thoại với các hộ dân chưa ký phương án bồi thường hỗ trợ, trong đó có hộ ông L. Ngày 28/12/2015, Ủy ban nhân dân huyện G ban hành quyết định số 6766 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất để thực hiện dự án VRAMP và thực hiện việc niêm yết công khai quyết định 6766. Như vậy, việc ban hành quyết định 6766 thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục, thời hạn quy định tại khoản 2, 3 Điều 69 Luật đất đai năm 2013.

Quá trình giải quyết vụ án, ông L xác định ông chỉ không nhất trí với nội dung của quyết định 6766 (phần đất 108,9m² là của gia đình ông và phải được bồi thường là đất ở chứ không phải là hỗ trợ), còn về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, thời hạn, hình thức ban hành quyết định thì ông nhất trí.

[2.5] Về nội dung quyết định hành chính bị kiện:

[2.5.1] Xem xét nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của gia đình ông Phùng Khắc L: Theo đơn đề nghị xin cấp đất ngày 08/02/1985 của ông Phùng Khắc L, xin 240m² đất ở R, đã được UBND xã T nhất trí giải quyết cho 10 thước ngày 10/02/1985. Ngày 28/9/1985 và ngày 09/8/1986 UBND xã giao thêm cho ông L số diện tích đất trống còn lại giáp gianh để sử dụng, đều không xác định cụ thể diện tích là bao nhiêu và việc giao thêm này chỉ trên cơ sở xác nhận của Chủ tịch UBND xã vào đơn xin đất ngày 08/02/1985 của ông L. Tháng 6/1991, ông L có đơn xin trả lại diện tích 50m² đất. Ông L xuất trình 01 phiếu thu số 33 thể hiện nộp 5.000 đồng mua giấy chứng nhận đất Mả Vua, ông khai phiếu đó là ngày 08/8/1991. Sổ mục kê đất đai năm 1992 thể hiện hộ ông L số thứ tự 576, diện tích 144m². Biên bản kiểm tra xác minh diện tích đất giao cũ trên mặt đường 39b ngày 22/2/1995 và Biên bản xác định chi tiết ngày 23/2/1995 đất hộ ông L thể hiện: Diện tích đất ông L đang sử dụng là 364,6m² (trong đó: Diện tích quán là 45,6m². Trong đơn xin đất của ông L được UBND xã nhất trí giải quyết 10 thước 240m² đất ở và bán quán. Trừ 45,6m² đất quán còn lại 194,4m² đất ở. Tháng 6/1991, ông L có đơn trả UBND xã 50m², UBND xã đã đồng ý và giải quyết cho bà T sử dụng. Nên, xác định diện tích đất ở của ông L chính thức sử dụng là 144,4m² và phần diện tích ông L sử dụng thêm là 174,6m²). Ngày 16/6/1998, ông L nộp 10.000 đồng thể hiện tại Biên lai thu thuế nhà đất. Bản đồ đo đạc hiện trạng năm 2008, hộ ông L tại thửa số 53, diện tích 283m². Biên bản xác định mốc giới thửa đất theo hiện trạng sử dụng ngày 22/4/2008, thể hiện hộ ông L tại thửa 53, diện tích 283m². Theo sơ họa mặt bằng làm cơ sở cho việc bồi thường, hỗ trợ đối với gia đình ông L xác định thực tế phần diện tích gia đình ông L sử dụng là 360m² trong đó có 108,9m² là phần đất nằm trong hàng lang

giao thông (Phần diện tích đất còn lại gia đình ông L sử dụng là 251,1m²). Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ thửa đất của ông L, bà H do Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành thì diện tích ông L, bà H đang sử dụng là 265,4m².

Tại Biên bản xác định mốc giới thửa đất ngày 22/2/1995 và ngày 26/12/2007 xác định ranh giới thực địa thửa đất hộ ông L đều thể hiện lưu không hành lang giao thông là 8m.

Tại Biên bản xác minh ngày 3/12/2018, UBND xã T cung cấp xác định diện tích đất hiện gia đình ông L đang sử dụng và một phần hiện đã làm đường QL38B về nguồn gốc trước năm 1985 do địa phương quản lý và theo bản đồ 299 thì chưa thể hiện phần diện tích đất của gia đình ông L.

Ông L thừa nhận trong quá trình sử dụng đất, gia đình ông không kê khai diện tích đất sử dụng với địa phương và không có tên trên sổ sách theo dõi quản lý đất đai của địa phương. Từ trước đến nay, gia đình ông L chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy.

Ngoài ra, ông L không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh ông sử dụng thửa đất từ năm 1982 trở về trước, cũng không có các tài liệu, chứng cứ để xác định việc ông L1 mua đất của ông Đ.

[2.5.2] Do đó, thửa đất hộ ông L được xác định như sau: Trước năm 1985 thửa đất thuộc quản lý của UBND xã T và theo bản đồ 299 chưa thể hiện phần diện tích đất thuộc hộ gia đình ông L. Sau năm 1985, ông L được cấp 240m²; năm 1995 xác định diện tích đất ở của hộ ông L là 144,4m² (đã trừ đất quán là 45,6m², diện tích sử dụng thêm là 174,6m²) và thực tế sổ mục kê năm 1992 và lời khai ông L đều xác nhận đóng thuế đất hàng năm chỉ có 144m². Năm 2007, Biên bản xác định mốc giới thể hiện lưu không hành lang giao thông hộ ông L là 8m. Bản đồ đo đạc hiện trạng năm 2008 hộ ông L diện tích 283m². Theo sơ họa mặt bằng làm cơ sở cho việc bồi thường, hỗ trợ đối với gia đình ông L xác định thực tế phần diện tích gia đình ông L sử dụng là 360m² trong đó có 108,9m² là phần đất nằm trong hàng lang giao thông (Phần diện tích đất còn lại gia đình ông L sử dụng là 251,1m²). Theo biên bản hiện trạng thửa đất của ông L, bà H do Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ thì diện tích ông L, bà H đang sử dụng là 265,4m². Có sự khác nhau về diện tích đất mà gia đình ông L sử dụng (251,1m² và 265,4m²) sau khi tiến hành làm đường quốc lộ 38 là do sai số trong quá trình đo đạc. Tuy nhiên, những diện tích đất trên đều lớn hơn diện tích đất ban đầu mà gia đình ông L được cấp năm 1985 (240m²).

[2.5.3] Như vậy, thửa đất mà gia đình ông L đang sử dụng có nguồn gốc đất Nhà nước giao đất không thu tiền sau ngày 08/02/1985, nhưng chưa được đăng ký trong hồ sơ địa chính 299, hồ sơ đo vẽ cấp GCNQSDĐ năm 1991 và không được theo dõi biến động đất đai hàng năm của UBND xã T. Phần diện tích 108,9m² là phần đất không nằm trong diện tích đất hợp pháp của gia đình ông L, không đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Điều 99 Luật đất đai và thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được, bồi thường về đất theo Điều 82 Luật đất đai. Việc UBND huyện G không ban hành

quyết định thu hồi đất và trong quyết định số 6766 không bồi thường đất ở mà chỉ được hỗ trợ là phù hợp với các quy định của Luật đất đai, Văn bản số 745/UBND-VP ngày 16/4/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Hải Dương về việc giải đáp vướng mắc GPMB DA VRAMP trên địa bàn huyện G và huyện M.

[2.6] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông Phùng Khắc L là có căn cứ.

[2.7] Tại phiên tòa phúc thẩm phía ông L và người bảo vệ quyền và lợi ích của phía ông L không đưa ra được tài liệu, chứng cứ khác so với phiên tòa sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông L và phù hợp với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội và cần phải giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

[2.8] Do không chấp nhận kháng cáo nên ông L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên, ông L là người cao tuổi, nên Hội đồng xét xử miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông L.

[2.9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phùng Khắc L; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2019/HC-ST ngày 13/3/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Án phí hành chính phúc thẩm ông Phùng Khắc L không phải nộp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đặng Văn Hưng